

HỌC VIỆN CÁN BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HAI CHƯƠNG TRÌNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

*

Số 03 - QĐ/HĐXDHCT

QUYẾT ĐỊNH

**công nhận sinh viên đại học hệ chính quy
đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình năm 2025**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TU ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016 - 2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 230-QĐ-HVCB ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 351-QĐ/HVCB ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố về thành lập Hội đồng xét duyệt sinh viên đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình năm 2024;

Căn cứ kết quả xét duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình của Hội đồng xét duyệt sinh viên đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 47 sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình năm 2025, bắt đầu từ học kỳ II, năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình được hưởng quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị; Trưởng phòng Quản lý đào tạo; trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4,
- Ban Giám đốc Học viện (để báo cáo),
- Cố vấn học tập (để thực hiện),
- Cổng thông tin điện tử Học viện,
- Lưu Học viện Cán bộ. MT(P.QLĐT).

GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Tấn Phát

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN CÁN BỘ
HỘI ĐỒNG XÉT ĐUỆT
HAI CHƯƠNG TRÌNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 -QĐ/HVCB ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học chương trình thứ nhất	Mã ngành	Ngành học chương trình thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển theo chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Khối	Ghi chú
1	232030114	8	Phạm Quốc	An	22/08/2005	Luật	7380101	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	45	7,80	2023	Tuyển thẳng			
2	232040001	8	Trần Lê Đức	Anh	17/07/2005	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	8,17	2023		25,27	C14	
3	222050098	7	Lê Từ Tuyết	Băng	09/08/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	77	7,25	2022	25,25		C00	
4	222050117	7	Huỳnh Tấn	Bền	31/03/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	73	7,94	2022		26,59	C00	
5	232030127	8	Nguyễn Thị Sao	Cơ	19/01/2005	Luật	7380101	Quản lý nhà nước	7310205	47	7,64	2023	26,27		C00	
6	232020096	8	Nguyễn Tấn	Dũng	18/03/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Quản lý nhà nước	7310205	46	7,38	2023		24,03	C00	
7	232050130	8	Lý Hoàng	Gia	20/02/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	8,38	2023	24,00		A00	
8	232050090	8	Huỳnh Bảo	Hân	29/03/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,63	2023		25,83	D01	
9	222010004	7	Hoàng Nguyễn Diệu	Hiền	31/05/2004	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	74	7,28	2022	23,25		C00	
10	222020023	7	Dương Thị Thúy	Hiền	21/12/2003	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,17	2022		24,57	C00	
11	222040068	7	Đào Trọng	Hùng	03/06/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	68	7,02	2022		23,00	C00	

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học chương trình thứ nhất	Mã ngành	Ngành học chương trình thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Khối	Ghi chú
12	222050029	7	Nguyễn Gia	Huy	03/02/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	75	8,08	2022	23,15		A00	
13	232040035	8	Trần Khánh	Huyền	06/10/2005	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	7,16	2023	22,75		C14	
14	232030045	8	Hoàng Mỹ	Khanh	14/12/2005	Luật	7380101	Quản lý nhà nước	7310205	45	7,90	2023	24,17		C00	
15	232020047	8	Nguyễn Đăng	Khoa	10/08/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,95	2023	27,11		C14	
16	222040002	7	Phạm Đăng	Khoa	20/10/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	68	7,19	2022	19,25		D01	
17	232020046	8	Đào Nhật	Minh	03/05/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,03	2023	24,00		C00	
18	202050017	5	Nguyễn Thanh	Minh	19/04/2002	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	97	6,93	2020		27,09	C00	
19	232050015	8	Phạm Kiều	My	23/09/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,11	2023	23,23		C00	
20	232050089	8	Mai Đình Khoa	Nam	24/05/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,72	2023	24,87		A00	
21	222050010	7	Huỳnh Ngọc Thu	Ngân	21/07/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Công tác xã hội	7760101	77	6,73	2022	24,10		A01	
22	222020065	7	Đỗ Xuân	Nhã	05/05/2004	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,36	2022	24,60		C14	
23	232040038	8	Hoàng Hiền	Nhi	30/04/2005	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	42	7,06	2023	21,75		C14	
24	232050051	8	Trần Hồng	Phát	15/01/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,19	2023		25,56	C00	
25	222020067	7	Nguyễn Hoàng	Phúc	17/01/2004	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,22	2022		25,10	C00	
26	232050091	8	Nguyễn Hoàng	Phúc	04/05/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	8,09	2023		27,93	A00	
27	232010004	8	Tô Văn	Phước	29/06/2005	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	44	8,18	2023	25,85		C14	

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học chương trình thứ nhất	Mã ngành	Ngành học chương trình thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Khối	Ghi chú
28	232050056	8	Phan Nguyễn Mai	Phương	30/10/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,57	2023	23,43		A01	
29	232020022	8	Bùi Trần Khanh	Phương	27/02/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,28	2023		24,50	C00	
30	222020048	7	Mai Tấn	Tài	13/01/2004	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,95	2022		26,03	C00	
31	222020051	7	Trần Thanh	Tùng	26/11/2004	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,10	2022	21,45		C14	
32	222030032	7	Bùi Nguyễn Thiện	Thanh	08/02/2004	Luật	7380101	Quản lý nhà nước	7310205	78	7,73	2022	26,25		C00	
33	232030060	8	Lê Phạm Thị Minh	Thư	18/03/2005	Luật	7380101	Quản lý nhà nước	7310205	45	7,94	2023	24,64		D01	
34	222050012	7	Vô Lê Bảo	Thư	22/06/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	79	7,39	2022		26,13	C00	
35	212010056	6	Trần Anh	Thư	04/09/2003	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	97	7,50	2021	24,35		D01	
36	232050048	8	Vô Huỳnh Thị Minh	Thư	01/03/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,22	2023	22,75		A01	
37	232020004	8	Nguyễn Huỳnh Thu	Trang	28/07/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,45	2023		24,96	C00	
38	232050033	8	Nguyễn Đức	Trọng	16/09/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,25	2023	25,10		C00	
39	232010035	8	Đoàn Lê Phương	Uyên	10/04/2005	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	44	7,50	2023	22,95		C14	
40	232050072	8	Ngô Thùy	Vân	31/08/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,31	2023		25,61	C00	
41	232020089	8	Lưu Thị Thúy	Vi	20/05/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,75	2023	23,72	C00		
42	222020016	7	Phan Ngọc Yến	Vy	07/09/2004	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	76	7,20	2022		25,10	C00	
43	232020066	8	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	06/08/2005	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7,56	2023		25,87	C14	



STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học chương trình thứ nhất	Mã ngành	Ngành học chương trình thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Khối	Ghi chú
44	232050073	8	Phạm Nguyễn Triệu	Vy	06/08/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,36	2023		25,97	C00	
45	232050047	8	Võ Hoàng Tường	Vy	15/04/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,44	2023	Tuyển thẳng			
46	232050038	8	Trần Thị Tường	Vy	09/02/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,36	2023	22,60		D01	
47	232050008	8	Diệp Như	Ý	16/10/2005	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7,04	2023	23,48		C00	

Danh sách có 47 sinh viên./.